

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HC-ST

Ngày: 23/3/2021

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Thọ

Bà Mai Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-HC ngày 10/8/2020 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐ-ST ngày 05/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HC ngày 02/3/2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1958, có mặt

Địa chỉ: Thôn Ng, xã L, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ng: Bà Lê Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ số nhà 05, phố, phường Tr, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa; theo giấy ủy quyền ngày 07/9/2020; có mặt.

2. Người bị kiện: UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Th - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thế A - Phó Chủ tịch, theo Giấy ủy quyền số 1831/UBND-TNMT ngày 02/10/2020; vắng mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn N - Chuyên viên Phòng TNMT, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T - Chủ tịch UBND, vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1927. Người đại diện theo ủy quyền của bà Ch là bà Nguyễn Thị Ng, có mặt

3.3. Ông Hà Đình Nh, sinh năm: 1964, vắng mặt

3.4. Ông Hà Đình Ph, sinh năm: 1954, vắng mặt

3.5. Bà Hà Thị K, sinh năm 1962, vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn Ng, xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ng và người đại diện theo ủy quyền của bà Ng là bà Lê Thị H trình bày:*

Cụ Hà Đình Th (chết năm 1990) và cụ Nguyễn Thị Ch có một thửa đất số 717 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa xã L lập năm 1985, diện tích 1029m² tại thôn 6 (nay là thôn Ng), xã L, huyện Q. Bà Ng là con riêng của cụ Ch, nhưng sinh sống cùng cụ Th và cụ Ch từ năm 1980. Năm 1988, cụ Th và cụ Ch đã thống nhất đồng ý chia diện tích thửa đất 717 cho bà Ng một phần, phần còn lại cho ông Hà Đình Nh (là con đẻ của cụ Th và cụ Ch). Sau khi được cho đất, năm 1988, bà Ng làm nhà tranh trên phần đất được cho, năm 1999 phá nhà tranh, xây nhà kiên cố mái bằng và tường bao quanh khu đất riêng biệt, năm 2014 bà Ng xây tiếp một nhà và năm 2018 xây tiếp một nhà trên thửa đất. Trước khi xây nhà kiên cố thì ông Nh là người xác định danh giới phần đất cho bà Ng xây. Khu nhà đất của bà Ng đã được xây ngăn cách với thửa đất của ông Nh từ năm 2000, có cổng đi riêng.

Năm 1994, nhà nước thực hiện đo đạc lại thì thửa đất của bà Ng là thửa 98 diện tích 282m², thửa đất ông Nh là 97 diện tích 775m². Do bà Ng hay đi làm ăn xa nên không để ý đến giấy tờ đất. Tết âm lịch năm 2020 bà Ng mới nói chuyện về việc cấp trích lục đất thì ông Nh mới nói diện tích đất của bà Ng đã được cấp chung vào trích lục của ông Nh. Bà Ng đã yêu cầu ông Nh làm thủ tục tách phần diện tích đất 282m² của bà, nhưng ông Nh không đồng ý. Nay bà Ng yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy giấy một phần Giấy CNQSDĐ số G 469866 mà UBND huyện Q đã cấp cho ông Hà Đình Nh năm 1995, cụ thể hủy thửa 98 diện tích 282m², vì đây là diện tích đất của bà Ng có quyền sử dụng đã cấp chung vào Giấy CNQSDĐ của ông Hà Đình Nh và đề nghị UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ cho bà Ng tại thửa 98, tờ bản đồ số 09 năm 1994, diện tích 282m².

** Tại văn bản số 2466/UBND-TNMT ngày 18/12/2020 của UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa có ý kiến về nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng như sau:*

1. Quá trình sử dụng đất:

Vị trí đất đang tranh chấp có nguồn gốc sử dụng trước năm 1980 của cụ Hà Đình Th và vợ là Nguyễn Thị Ch; Cụ Th có con riêng là Hà Đình Ph, cụ Ch có con riêng là Nguyễn Thị Ng; cụ Thái và cụ Ch có hai con chung là Hà Thị K và Hà Đình Nh. Hiện tại chỉ còn cụ Ch, bà Ng, ông Nh ở trên thửa đất.

Năm 1994, UBND huyện Quảng X triển khai đồng loạt cấp Giấy CNQSDĐ cho các hộ dân trên địa bàn toàn huyện bao gồm cả đất thổ cư theo Nghị định 64/CP của Chính phủ năm 1994. Cơ sở cấp Giấy CNQSDĐ là hồ sơ địa chính được lập năm 1994, đơn đăng ký kê khai của người sử dụng đất được UBND xã xác nhận (chủ sử dụng hiện trạng tại thời điểm cấp đất) và các giấy tờ văn bản có liên quan ... Theo đó, UBND xã L cũng đã triển khai việc cấp Giấy CNQSDĐ cho nhân dân và ông Hà Đình Nh cũng được cấp Giấy CNQSDĐ. Từ thời điểm cấp giấy năm 1995, UBND huyện Q không nhận được bất cứ đơn thư nào về việc cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Nh.

2. Về Giấy CNQSDĐ và hồ sơ địa chính:

Năm 1995, ông Hà Đình Nh được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số G 464866 tại thửa 97 + 98, tờ bản đồ số 09, diện tích 1089m²(gồm 200m² đất thổ cư và 889m² đất vườn), trong đó thửa 97+98 gồm diện tích thửa 97 là 775m², thửa 98 là 282m² tờ bản đồ số 09, bản đồ địa chính xã L lập năm 1994.

Hồ sơ địa chính lập theo chỉ thị 299, vị trí đang tranh chấp tại thửa 717, tờ bản đồ số 04, ghi chủ sử dụng đất là ông Ph. Hồ sơ địa chính năm 1994 tại thửa 97, 98 tờ bản đồ số 09, chủ sử dụng là Hà Đình Nh (là con chung của cụ Th và cụ Ch). Hồ sơ địa chính lập năm 2002 tại thửa 121 tờ bản đồ số 09, chủ sử dụng đất là ông Hà Đình Nh, thửa 122 tờ bản đồ số 09, chủ sử dụng đất là bà Hà Thị Ng.

Mặt khác, đến thời điểm hiện tại qua thời gian dài, điều kiện lưu trữ hồ sơ không thực hiện đảm bảo, số lượng hồ sơ lưu trữ lớn, nên dẫn đến một số hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ bị thất lạc, trong đó có hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Hà Đình Nh không có lưu tại UBND huyện. UBND huyện Quảng X đề nghị Tòa án giải quyết đơn thư của bà Nguyễn Thị Ng theo quy định pháp luật.

** Tại văn bản số 10a/CV-UBND ngày 22/01/2021 của UBND xã L, huyện Q có ý kiến về nội dung khởi kiện của ông bà Nguyễn Thị Ng như sau:*

1. Hiện nay gia đình ông Hà Đình Nh đang sinh sống tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã L năm 1994, diện tích theo bản đồ là 775m²; bà Nguyễn Thị Ch và con gái là bà Nguyễn Thị N đang sinh sống tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã L năm 1994, diện tích theo bản đồ là 282m².

2. Theo xác minh tại khu dân cư xung quanh 02 thửa đất mà hiện nay bà Ch và bà Ng; ông Th đang sinh sống:

- Chủ sử dụng đất ban đầu của 02 thửa đất này là của cụ Hà Đình Th (đã chết năm 1990) và vợ là cụ Nguyễn Thị Ch. Cụ Thái và cụ Ch đã sử dụng 02

thửa đất này vào mục đích đất ở nông thôn từ khoảng năm 1967. Cụ Th và cụ Ch có con chung là bà Hà Thị K và ông Hà Đình Nh; Cụ Th có con riêng là ông Hà Đình Ph; cụ Ch có con riêng là bà Nguyễn Thị Ng.

- Từ năm 1967 đến năm 1988 cụ Th, cụ Ch và bà Ng, ông Nh cùng sinh sống tại vị trí đất mà theo bản đồ địa chính năm 1994 là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9; vị trí đất tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 9 gia đình cụ Thái dùng làm vườn.

Đến năm 1986 bà Ng tách ra làm nhà ở riêng tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính 1994. Lúc này bà Ch vẫn ở với con trai là ông Hà Đình Nh tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9.

Đến năm 2014 bà Ch chuyển sang ở với bà Ng tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính năm 1994 và Ch ở với bà Ng cho đến nay.

3. Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê đất xã L qua các thời kỳ.

Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê đất năm 1985: 02 thửa đất hiện nay bà Ch, bà Ng và gia đình ông Nh sinh sống đang chung trong 01 thửa đất số 717, tờ bản đồ số 4, diện tích: 1029m², sổ mục kê đất mang tên: ô pông (trước đây thường gọi tên bố mẹ theo tên con cả trong gia đình), ông Ph là con cả của cụ Th, khi ghi tên chủ sử dụng đất trong sổ mục kê đất đã ghi theo tên con cả và đã ghi tắt là: "ông" thay cho "Phông").

Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê đất năm 1994:

- Thửa đất bà Ch và bà Ng hiện nay đang sinh sống là thửa đất số 98, tờ bản đồ số 9, diện tích 282m², sổ mục kê đất mang tên: Hà Đình Nh.

- Thửa đất gia đình ông Nh hiện nay đang sinh sống là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9, diện tích 775m², sổ mục kê đất mang tên: Hà Đình Nh.

Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê đất năm 2002:

- Thửa đất bà Ch và bà Ng hiện nay đang sinh sống là thửa đất số 122, tờ bản đồ số 9, diện tích 282m², sổ mục kê đất mang tên Hà Thị Ng.

- Thửa đất gia đình ông Nh hiện nay đang sinh sống là thửa đất số 121, tờ bản đồ số 9, diện tích 775m², sổ mục kê đất mang tên Hà Đình Nh.

UBND xã L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa căn cứ thêm vào hồ sơ mà UBND xã L đã cung cấp và nội dung của văn bản này để xử lý vụ án khởi kiện: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G469866 do UBND huyện Q cấp năm 1995 cho ông Hà Đình Nh, địa chỉ: thôn Ng (trước đây là thôn 6), xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định của pháp luật.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Cụ Nguyễn Thị Ch trình bày: Cụ Nguyễn Thị Ch kết hôn với cụ Hà Đình Th khoảng năm 1960, 1961. Đến năm 1990 cụ Hà Đình Th chết. Cụ Th và cụ Ch được nhà nước cấp cho một thửa đất diện tích 1029m², tại thôn Ng (thôn 6

cũ), xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1988, khi cụ Th còn sống đã cùng với cụ Ch thống nhất phân chia diện tích trên thành 2 thửa cho 2 con là Nguyễn Thị Ng và Hà Đình Nh. Thửa số 97, tờ bản đồ số 9, diện tích 775m² giao cho ông Hà Đình Nh toàn quyền quản lý, sử dụng và sở hữu. Thửa số 98, tờ bản đồ số 9, diện tích 282m² giao cho bà Nguyễn Thị Ng toàn quyền quản lý, sử dụng và sở hữu. Năm 1988, bà Ng làm nhà tranh, ranh giới thửa đất được ngăn bằng bờ sân, đến năm 1999 bà Nga phá nhà tranh đi làm nhà kiên cố mái bằng và xây tường bao quanh cao trên phần đất của bà Ng, tách hẳn với phần đất của ông Nh. Trước khi xây nhà và xây tường bao quanh, ông Nh đã ra xác định lại phần diện tích 282m² của bà Ng đã được bố mẹ cho từ năm 1988 để làm nhà, ăn ở, sinh hoạt, quản lý suốt từ năm 1988 đến nay.

Năm 1994, thực hiện việc kê khai xin cấp Giấy CNQSDĐ, cụ Ch và bà Ng đã trực tiếp nộp tiền lệ phí cấp Giấy CNQSDĐ cho trưởng thôn Ng (thôn 6 cũ) là ông Nguyễn Trọng Ph. Do cụ Ch và bà Ng không để ý đến việc giấy tờ nên đến năm 2020 mới phát hiện ra từ năm 1994 ông Hà Đình Nh đã nhập cả phần diện tích đất 282m² của bà Ng cùng với 775m² của ông Nh để được cấp chung một Giấy CNQSDĐ mang tên ông Hà Đình Nh. Cụ Ch đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy Giấy CNQSDĐ số G 469866 đối với thửa 98 tờ bản đồ số 9 diện tích 282m² để bà Ng được cấp Giấy CNQSDĐ tại thửa 98.

- Tại đơn trình bày ngày 01/02/2021, ông Hà Đình Nh có ý kiến như sau: Bố mẹ ông Nh là cụ Hà Đình Th và cụ Nguyễn Thị Ch sống trên mảnh đất hiện nay bà Ng đang tranh chấp từ năm 1976. Cụ Ch có con riêng là bà Nguyễn Thị Ng, cụ Th có con riêng là Hà Đình Ph; cụ Thái và cụ Ch có hai con chung là Hà Thị K và Hà Đình Nh. Khi cụ Th còn sống thì cụ Th giao cho ông Nh mảnh đất này, cụ Th chỉ nói miệng, không có giấy tờ. Vì vậy năm 1995, ông Nh được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ diện tích 1089m² tại thửa 97+98 trong đó có 200m² đất ở và 889m² đất vườn; Năm 1987, khi cụ Th còn sống thì cụ Th đã cho bà Ng một phần ở phía Tây thửa đất của cụ Th, năm 1987 bà Ng đã làm một nhà nhỏ trên phần đất cụ Th cho, đến năm 2000 bà Ng làm thêm một ngôi nhà mới và đến 2014 lại làm thêm một ngôi nhà nữa. Tổng diện tích bà Nga làm nhà đã vượt quá diện tích cụ Th cho. Vì vậy ông Nh không đồng ý làm thủ tục tách phần đất mà cụ Th đã cho bà Ng từ năm 1987. Trong Giấy CNQSDĐ diện tích 1089m² nói trên là toàn bộ thửa đất của cụ Thái để lại, bao gồm cả phần đất cụ Th đã cho bà Nga từ năm 1987.

Nếu bà Ng thống nhất nhận phần đất cụ Th đã cho khoảng 80m² thì ông Nh đồng ý, nếu yêu cầu toàn bộ phần đất mà bà Ng đã xây nhà, tường ngăn cách hai thửa đất thì ông Nh không đồng ý và không thống nhất với yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ mà UBND huyện Q đã cấp cho ông năm 1995.

- Tại Đơn trình bày ngày 01/02/2021, ông Hà Đình Ph trình bày: Ông là con riêng của cụ Th. Nguồn gốc thửa đất hiện nay các bên đang tranh chấp là nhà nước cấp cho cụ Hà Đình Th. Tuy nhiên trong hồ sơ địa chính năm 1985 xã L cung cấp là thửa 717 diện tích 1029m² đứng tên ông Pông (Phông) là không

đúng, tên cụ Th mới đúng. Ông Ph không đồng ý với yêu cầu khởi kiện hủy Giấy CNQSDĐ mà UBND huyện Q đã cấp cho ông Nh năm 1995.

- Người làm chứng ông Nguyễn Đình T trình bày: Trước năm 1996, ông T làm giúp việc cho UBND xã L. Đất ở của bà Ng đã được ông bà cho đất làm nhà ở riêng từ lâu, việc sang tên bìa đỏ là do chính quyền thực hiện không đúng nguyên tắc, sai pháp luật. Hiện nay ông T còn giữ sổ giao ruộng đất lâu dài cho các hộ dân thôn 6 (nay là thôn Ng), xã L, tại trang 70 ghi tên Hà Đình Nh đã có ghi hai thửa 97 - 98 tờ bản đồ số 9; thời điểm này đã tách làm hai thửa do ông Nh và bà Ng sử dụng, đã có nguồn gốc và có nhà ở từ trước năm 1990.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa như sau: Thửa đất 97 tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã L năm 1994 có tổng diện tích 775m², diện tích hiện trạng là 730m²; phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị V, phía Nam giáp ngõ đi rộng 3,5m, phía Đông giáp ngõ đi rộng 2,7m, phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Ng. Trên đất có 03 ngôi nhà: Nhà thứ nhất 01 tầng, diện tích 43m², xây dựng năm 1990 (sửa năm 2018); nhà thứ hai 01 tầng, diện tích 42m², xây dựng năm 2002; Nhà thứ ba 01 tầng, diện tích 50m², xây dựng năm 2018; Bán bình trước sân.

Thửa đất 98 tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã L năm 1994 có tổng diện tích 282m², diện tích hiện trạng là 307m²; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Trọng D, phía Nam giáp ngõ đi rộng 3,5m, phía Đông giáp đất ông Hà Đình Nh, phía Tây giáp đất ông Trần Văn T. Trên đất có những tài sản sau: 01 nhà một tầng diện tích 49m², hoàn thiện năm 2000; 01 nhà một tầng diện tích 80m², năm hoàn thành 2014; bán bình trước sân.

Thửa đất 97 và 98 đã được ngăn cách bằng tường nhà, tường rào từ năm 1990, có ngõ đi riêng biệt hai thửa đất.

Tại phiên tòa bà Nga và người đại diện theo ủy quyền của bà Ng vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Người bị kiện là UBND huyện Q và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, tổ chức đối thoại, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng: Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G469866 mà UBND huyện Q đã cấp cho ông Hà Đình Nh tại thửa 97 + 98, tờ bản đồ số 9 bản đồ địa chính năm 1994; địa chỉ: thôn Ng (trước đây là thôn 6), xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa người bị kiện là UBND huyện Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã L, bà Hà Đình K, ông Hà Đình Ph có đơn xin vắng mặt. Ông Hà Đình Nh đã được triệu tập hợp lệ lần 2 mà vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

- Đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện vụ án hành chính: Giấy CNQSDĐ số G469866 do UBND huyện Q cấp cho ông Hà Đình Nh là quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai mà bà Nguyễn Thị Ng cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm. Vì vậy, đây là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Tết nguyên đán năm 2020, bà Ng yêu cầu làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất 98 của bà, ông Hà Đình Nh không đồng ý và khẳng định thửa 98 ông Nh đã được nhà nước cấp Giấy CNQSDĐ mang tên ông Nh. Ngày 15/7/2020, bà Ng gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy CNQSDĐ, nên còn thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về việc hủy một phần Giấy CNQSDĐ số G 469866 mà UBND huyện Q đã cấp cho ông Hà Đình Nh, cụ thể hủy thửa 98 tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính năm 1994; diện tích 282m²; địa chỉ: thôn Ng (trước đây là thôn 6), xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Xét về nguồn gốc và lịch sử sử dụng thửa đất đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 469866 cho chủ sử dụng là ông Hà Đình Nh, thấy rằng:

- + Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ: Hồ sơ địa chính năm 1985, thể hiện thửa đất năm 717, tờ bản đồ số 4, diện tích: 1029m², số mục kê đất mang tên: ô công (UBND xã L xác định là của cụ Hà Đình Th). Hồ sơ địa chính năm 1994 gồm thửa số 97, tờ bản đồ số 9, diện tích 775m², số mục kê đất mang tên: Hà Đình Nh và thửa 98, tờ bản đồ số 9, diện tích 282m², số mục kê đất mang tên: Hà Đình Nh. Hồ sơ địa chính năm 2002: thửa đất số 121, tờ bản đồ số 9, diện tích 775m², số mục kê đất mang tên Hà Đình Nh và thửa số 122, tờ bản đồ số 9, diện tích 282m², số mục kê đất mang tên Hà Thị Ng (Nguyễn Thị Ng).

+ Theo lời khai cũng như những tài liệu, chứng cứ mà người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Ng cung cấp và lời khai của những người có quyền nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị Ch, ông Hà Đình Nh, ông Hà Đình Ph, bà Hà Thị K và văn bản của xã L đều khẳng định thửa đất trên có nguồn gốc của cụ Th và vợ cụ Ch được nhà nước cấp cho ở từ trước năm 1970. Trong quá trình sử dụng, năm 1987 cụ Th và cụ Ch đã thống nhất cho bà Nguyễn Thị Ng một phần đất về phía Tây mảnh đất và cho ông Hà Đình Nh phần đất còn lại.

Kể từ thời điểm được cho đất 1987 thì bà Ng đã xây nhà trên khu đất, sau đó xây tiếp hai ngôi nhà trên đất và đã có tường ngăn cách, bà Ng sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay. Năm 1994 cũng đã được đo vẽ thực tế tách thành hai thửa 97 diện tích 775m² loại đất T (ông Nh sử dụng) và 98 diện tích 282m² loại đất T (bà Ng sử dụng).

Mặc dù năm 1987, cụ Th và cụ Ch tặng cho bà Ng một phần đất, không viết giấy tờ, nhưng hiện nay cụ Ch còn sống vẫn khẳng định đã chia đất cho bà Ng một phần, cho ông Nh một phần như hiện trạng đang sử dụng là đúng. Ông Nh cũng thừa nhận năm 1987, cụ Th cho bà Ng đất và bà Ng đã xây dựng nhà, công trình, tường rào quanh khu đất từ thời điểm năm 1987, 1999, 2014, nhưng ông Nh cũng không có ý kiến thắc mắc gì; hiện nay ông Nh không đồng ý tách diện tích đất trong Giấy CNQSDĐ mà ông đã được cấp cho bà Ng là vì hiện trạng bà Ng đang sử dụng nhiều hơn diện tích đất cụ Th đã cho năm 1987. Ông Nh cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ Th đã tặng cho ông Nh toàn bộ diện tích đất 1029m² tại thửa 717 bản đồ địa chính năm 1985.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định năm 1987 cụ Hà Đình Th và cụ Nguyễn Thị Ch đã tặng cho bà Nguyễn Thị Ng thửa đất 98 diện tích 282m², loại đất T, tờ bản đồ số 9 bản đồ địa chính xã L lập năm 1994.

- Về thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số G 469866 mà UBND huyện Q đã cấp cho ông Hà Đình Nh.

Thẩm quyền cấp Giấy CNQSDĐ: UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số G 469866 cho ông Hà Đình Nht, là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 36 Luật Đất đai năm 1993.

Trình tự thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ: UBND huyện Q không cung cấp được hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ số G 469866 với lý do: Hồ sơ nhiều, trải qua thời gian dài, công tác lưu trữ không tốt, vì vậy HDXX không có căn cứ xác định Giấy CNQSDĐ số G 469866 UBND huyện Q cấp có tuân thủ đúng quy định pháp luật đất đai hay không. Tuy nhiên, từ hồ sơ địa chính qua các thời kỳ do xã L cung cấp và xác định về nguồn gốc thửa đất 98 nói trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định trước khi lập hồ sơ đề nghị UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ cho các hộ dân thì UBND xã L chưa xác định rõ nguồn gốc đất và UBND huyện Q cũng không kiểm tra lại tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ của UBND xã Q trình, nên đã cấp cả thửa đất 98 diện tích

282m² của bà Nguyễn Thị Ng vào Giấy CNQSDĐ cho ông Hà Đình Nh, là cấp cho người không có nguồn gốc đất.

Về hình thức Giấy CNQSDĐ số G 469866 mà UBND huyện Q cấp cho ông Hà Đình Nh không có ngày tháng năm, chỉ ghi ngày ... tháng năm là không đúng quy định pháp luật và không có giá trị pháp lý.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về việc hủy một phần Giấy CNQSDĐ số G 469866 mà UBND huyện Q đã cấp cho ông Hà Đình Nh ngày tháng năm đối với thửa đất số 98, diện tích 282m², địa chỉ thôn 6 (nay là thôn Ng) xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Bà Ng có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ đối với đất số 98, diện tích 282m², tờ bản đồ số 9 bản đồ địa chính xã L năm 1994; địa chỉ thôn 6 (nay là thôn Ng) xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

[6] *Về án phí và chi phí thẩm định*: Bà Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm vì yêu cầu khởi kiện của bà được chấp nhận. UBND huyện Q phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Ng đã tự nguyện nộp toàn bộ chi phí thẩm định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Khoản 1 Điều 206; Khoản 3 Điều 345; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 2, 73 Luật Đất đai năm 1993. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng: Hủy một phần Giấy CNQSDĐ số G 469866 mà UBND huyện Q đã cấp cho ông Hà Đình Nh ngày ... tháng ... năm ... đối với thửa đất 98, diện tích 282m², tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã L năm 1994, địa chỉ thôn 6 (nay là thôn Ng), xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Bà Ng có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ đối với đất số 98, diện tích 282m², tờ bản đồ số 9 bản đồ địa chính xã L năm 1994; địa chỉ thôn 6 (nay là thôn Ng) xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Về chi phí thẩm định bà Ng đã tự nguyện nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu